

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 10/2023/DS - ST

Ngày 12/6/2023

V/v: “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng
dịch vụ thanh toán*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm.**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Sơn.**

2. Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Trường Giang** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 60/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2023/QĐST-HPT ngày 12/5/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S** - Địa chỉ: 266 – 288 đường N, Phường 8, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà: **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức danh: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông: **Trương Đình V** - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ theo Giấy ủy quyền số 537/2022/GUQ - CNSH ngày 30/12/2022 của giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP S – chi nhánh Sông Hàn và Quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3270/2022/QĐ-PL ngày 16/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Hải Y** – Sinh năm: 1994 – Địa chỉ: Tổ 44 phường M, quận N, TP. Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 07/02/2020 bà Lê Thị Hải Y có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà Lê Thị Hải Y, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là **70.000.000 đồng**. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Lãi suất là 2,4/tháng (lãi suất trong hạn), lãi suất quá hạn 3,6% (2,4% x 150%) và được Ngân hàng quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Sau khi được cấp thẻ, bà Lê Thị Hải Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 160.636.572 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Lê Thị Hải Y đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 126.959.801 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước, sau đó sẽ trừ tiếp vào các khoản giao dịch). Qua nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Lê Thị Hải Y vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Lê Thị Hải Y vi phạm hợp đồng, 90 ngày không thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ bà Y còn thiếu tại thời điểm này số tiền là **73.713.383 đồng** sang nợ quá hạn, Ngân hàng xin được gọi là nợ gốc (Điều 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3,6% trên số tiền nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Cụ thể số tiền bà Y nợ đến ngày 12/6/2023 được tính như sau:

Dư nợ ngày 12/6/2023 = Số tiền giao dịch- (Số tiền thanh toán- Phí, lãi)

Trong đó:

+ Số tiền giao dịch: 160.636.572 đồng.

+ Số tiền thanh toán: 126.959.801 đồng.

+ Tổng các khoản phí: 2.667.140 + 1.132.218 + 2.482.000 = 6.281.358 đồng.

+ Tổng tiền lãi (từ ngày 05/3/2020 đến ngày 05/11/2021): 33.755.254 đồng.

Dư nợ ngày 12/6/2023 = 160.636.572 - (126.959.801 - 6.281.358 - 33.755.254)
= 160.636.572 - 86.923.189 = **73.713.383 đồng.**

Tính đến ngày 12/6/2023, bà Lê Thị Hải Y còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 73.713.383 đồng;

Lãi quá hạn: 51.669.584 đồng;

Tổng cộng: 125.382.967 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số nợ gốc là **73.713.383 đồng** với lãi suất quá hạn 3,6%/tháng (2,4% * 150%) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (từ ngày 06/11/2021) cho đến hiện tại, cụ thể:

Lãi suất quá hạn = Số tiền lãi quá hạn 1 ngày * Số ngày nợ quá hạn.

Trong đó:

+ Số tiền lãi quá hạn 01 ngày = (73.713.383 đồng * 3,6%) / 30 = 88.460 đồng.

+ Số ngày nợ quá hạn: 584 ngày (từ ngày 06/11/2021 đến ngày 12/6/2023)

Vậy, Lãi quá hạn = 88.460 * 584 = 51.669.584 đồng

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Hải Y phải trả một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/6/2023 là **125.382.967 đồng**. Bà Lê Thị Hải Y phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 13/6/2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

* Bị đơn bà Lê Thị Hải Y đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà Y vẫn vắng mặt nên không có lời khai của bà Lê Thị Hải Y trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn là bà Lê Thị Hải Y liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm chấp nhận yêu

cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Lê Thị Hải Y. Buộc bà Lê Thị Hải Y phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền **125.382.967 đồng** (tính đến ngày 12/6/2023). Trong đó, tiền gốc: 73.713.383 đồng, lãi quá hạn: 51.669.584 đồng; buộc bà Lê Thị Hải Y tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 13/6/2023 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Ngô Văn N là *tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà Lê Thị Hải Y (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Hải Y.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Lê Thị Hải Y bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/2/2020 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, có nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Lê Thị Hải Y với hạn mức sử dụng là 70.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng, để tiêu dùng cá nhân, lãi suất được tính theo biểu phí do Sacombank công bố trong từng thời kỳ, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, bà Lê Thị Hải Y có trách nhiệm thanh toán nợ theo thông báo hàng tháng mà Ngân hàng gửi cho bà theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ, bà Lê Thị Hải Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 160.636.572 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Lê Thị Hải Y chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 126.959.801 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã thực hiện thông báo giao dịch hàng tháng và nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Lê Thị Hải Y vẫn không trả nợ. Do bà Lê Thị Hải Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán,

ngày 06/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử (12/6/2023), bà Lê Thị Hải Y còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 73.713.383 đồng;

Lãi quá hạn: 51.669.584 đồng;

Tổng cộng: 125.382.967 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị Hải Y phải trả toàn bộ khoản nợ nói trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 13/6/2023 cho đến khi bà Lê Thị Hải Y trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/02/2020 (kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Ngân hàng thương mại cổ phần S với bà Lê Thị Hải Y trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lê Thị Hải Y đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Lê Thị Hải Y vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 06/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Lê Thị Hải Y và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của Ngân hàng. Như vậy, bà Lê Thị Hải Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Hải Y phải trả số tiền nợ gốc: 73.713.383 đồng, lãi quá hạn: 51.669.584 đồng, tổng cộng 125.382.967 đồng (tính đến ngày 12/6/2023) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 13/6/2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/02/2020 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S cho đến khi bà Lê Thị Hải Y thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân

dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn là bà Lê Thị Hải Y phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền bà Lê Thị Hải Y phải chịu là $(125.382.967 \text{ đồng} \times 5\%) = 6.269.148 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 2.252.000 đồng theo biên lai thu số 1370 ngày 05/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*" của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Lê Thị Hải Y.

Xử:

1. Buộc bà Lê Thị Hải Y phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền **125.382.967 đồng**. Trong đó, nợ gốc **73.713.383 đồng**, lãi quá hạn là **51.669.584 đồng** (tính đến ngày 12/6/2023).

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 13/6/2023 trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 07/02/2020 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S cho đến khi bà Lê Thị Hải Y thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí DS - ST: 6.269.148 đồng bà Lê Thị Hải Y phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí **2.252.000 đồng** theo biên lai thu số 1370 ngày 05/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn.
- Chi cục THA dân sự quận Ngũ Hành Sơn.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**Các hội thẩm nhân dân
toà**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên